TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-PT
Ngày 29 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P; trú tại: Đội A, thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tăng H1; trú tại: Đường T, thị trấn T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2020); Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Thúy H; trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H: Ông Phạm Hoài Q; trú tại: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ H2; trú tại: Đội A, thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Ông Nguyễn Tăng H1; trú tại: Đường T, thị trấn T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2020); Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tăng H1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên trong các năm 2018 và 2019, bà Huỳnh Thị P có cho vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Thúy H vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/12/2018 âm lịch (Tức ngày 02/02/2019 dương lịch), cho bà H vay 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2019 trả cả gốc và lãi.

Lần 2: Ngày 20/7/2019 cho bà H vay 60.000.000 đồng, hẹn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, thời gian trả tiền gốc vào ngày 20/12/2019.

Lần 3: Ngày 24/8/2019 cho bà H vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/12/2019 trả cả gốc và lãi.

Lần 4: Ngày 01/9/2019 cho bà H vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2019 trả cả gốc và lãi.

Lần 5: Ngày 15/9/2019 cho bà H vay 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/12/2019 âm lịch (Tức ngày 09/01/2020 dương lịch) sẽ trả cả gốc và lãi.

Lần 6: Ngày 14/10/2019 âm lịch (Tức ngày 10/11/2019 dương lịch) cho bà H vay 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2019 âm lịch (Tức ngày 14/01/2020 dương lịch) sẽ trả cả gốc và lãi.

Tổng cộng số tiền nợ gốc 06 lần vay là 135.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Đã quá hạn thanh toán nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà P số nợ gốc nói trên và lãi suất tính từ thời điểm vay theo mức 1,66%/tháng/nợ là 15.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi bà H phải trả cho bà P là 150.000.000 đồng.

Quá trình vay, ông N và bà H đã trả được cho bà P số nợ gốc là 23.000.000 đồng, còn nợ nguyên đơn 112.000.000 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 112.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với toàn bộ số nợ vay nói trên. Khi vay tiền của nguyên đơn, chỉ có bà Nguyễn Thị Thúy H vay và ký giấy vay tiền, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà H có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Do quen biết với bà Huỳnh Thị P nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Trần Thanh N có vay tiền của bà P như sau:

Ngày 28/10/2018 vay của bà P 20.000.000 đồng, khoản vay này đã trả nhưng bà H, ông N không lấy lại giấy vay tiền.

Ngày 24/8/2019 vay 10.000.000 đồng, đã trả nợ nhưng không lấy lại giấy vay tiền.

Ngày 01/9/2019 vay 10.000.000 đồng, đã trả nợ nhưng không lấy lại giấy vay tiền.

Ngày 15/9/2019 vay 15.000.000 đồng, ngày 14/10/2019 vay 20.000.000 đồng, tổng cộng vay 35.000.000 đồng, số tiền này bị đơn chưa trả.

Đối với giấy vay tiền ngày 20/7/2019 vay 60.000.000 đồng là do dồn giấy vay nợ ngày 15/9/2019 vay 15.000.000 đồng và ngày 14/10/2019 vay 20.000.000 đồng là thành vay 35.000.000 đồng, cộng với 5.000.000 đồng mượn ăn Tết, mua của bà P 01 xe máy giá 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 52.000.000 đồng tiền gốc, cộng với tiền lãi của số nợ trên nên ghi thành giấy vay 60.000.000 đồng.

Hiện bà H đã trả được 23.000.000 đồng của số nợ 60.000.000 đồng, còn nợ lại bà P số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả số tiền 135.000.000 đồng thì bà H không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền 37.000.000 đồng.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Hoài Q trình bày: Ông Q trình bày về việc vay tiền, trả nợ và quan điểm trả nợ cơ bản giống như trình bày của bà H nêu trên. Ngoài ra, ông Q còn cho rằng trong các giấy nợ có sự chỉnh sửa về ngày tháng vay tiền nhưng không có sự xác nhận của các bên; không có các giấy tờ thể hiện bị đơn bà H đã nhận tiền và nguyên đơn không cung cấp các tài liệu chứng minh bị đơn đã nhận tiền.

Bị đơn ông Trần Thanh N trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thúy H. Bà H có vay của bà Huỳnh Thị P tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày. Vợ ông đã trả được 23.000.000 đồng nhưng không lấy lại giấy nợ. Hiện vợ ông chỉ còn nợ bà P 37.000.000 đồng. Khoản nợ này vợ ông tự vay cá nhân, ông N không biết và không liên quan, nên ông N không đồng ý trả nợ cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ H có người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Tăng H1 trình bày:

Ông Võ H2 là chồng của bà Huỳnh Thị P. Việc bà P cho bà H 06 lần vay tiền từ ngày 28/12/2018 đến ngày 01/9/2019, tổng cộng 135.000.000 đồng thì ông H2 không biết và không liên quan vì đó là số tiền riêng của bà P để mua bán kinh doanh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 203, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 112.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất số tiền lãi 15.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phần tranh luận, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm. Ngày 05/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà H là trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, đại diện ủy quyền của bị đơn vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt), Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên toà. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/12/2018 âm lịch (tức ngày 02/02/2019 dương lịch) đến ngày 14/10/2019 âm lịch (tức ngày 10/11/2019 dương lịch), bà Huỳnh Thị P đã cho bà Nguyễn Thị Thúy H vay tổng số tiền 135.000.000 đồng (Với 06 lần vay), có viết giấy vay và khi vay hai bên thoả thuận lãi suất đối với các khoản vay nói trên là 2%/tháng/nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 23.000.000 đồng tiền nợ gốc, như vậy nguyên đơn còn nợ bị đơn 112.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận việc vay tiền chỉ có bà H vay nguyên đơn, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu ông Trần Thanh N (Là chồng của bà H) phải trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận chữ ký trong 06 giấy vay tiền của bà P với tổng số tiền 135.000.000 đồng nói trên là chữ ký của bị đơn, không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết. Tuy nhiên, bà H cho rằng các khoản vay 20.000.000 đồng ngày 28/10/2018; khoản vay 10.000.000 đồng ngày 24/8/2019 và khoản vay 10.000.000 ngày 01/9/2019, bà đã trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn không lấy lại giấy vay tiền. Đối với giấy vay 60.000.000 đồng ngày 20/7/2019 là do dồn giấy vay nợ ngày 15/9/2019 vay 15.000.000 đồng và ngày 14/10/2019 vay 20.000.000 đồng là thành vay 35.000.000 đồng, cộng với 5.000.000 đồng mượn ăn Tết, mua của bà P 01 xe máy giá 12.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng tiền gốc, cộng với tiền lãi của số nợ trên nên ghi thành giấy vay 60.000.000 đồng. Bị đơn đã trả 23.000.000 đồng của số nợ 60.000.000 đồng, còn nợ bà P số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, trình bày của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn thừa nhận bà H đã trả cho nguyên đơn 23.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ nguyên đơn 112.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 112.000.000 đồng nợ gốc và rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất đối với các khoản bị đơn đã vay nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà H phải thanh toán cho bà P số tiền 112.000.000 đồng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của bà P là có căn cứ, nên kháng cáo của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về các nội dung khác:

Nhận thấy đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 135.000.000 đồng tiền nợ gốc, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi, đồng thời thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc như nhận định ở trên. Song, cấp sơ thẩm không nhận định việc nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện vào bản án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu trưng cầu giám định, nhưng bản án lại áp dụng Điều 161, khoản 1 Điều 162 BLTTDS quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định và xử lý tiền tạm ứng chi phí giám định. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà H vắng mặt nhưng có người đại diện ủy quyền là ông Q tham gia phiên tòa, tuy nhiên bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xác định HĐXX sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn do không có người đại diện ủy quyền. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm điều chỉnh lại điều luật áp dụng cho chính xác, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014716 ngày 05/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 112.000.000 (Một trăm mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.2] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất số tiền lãi 15.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị P.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 5.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị P 3.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003725, ngày 11/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014716, ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Phượng